TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 39/2018/DS-ST.

Ngày: 14-5-2018.

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Huy**

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

Ông **Nguyễn Thanh Sang**;

Ông **Từ Ngọc Viễn;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân TP Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 330/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị H,** sinh năm 1956;

Địa chỉ: 117 đường H, Phường B, Tp M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Trọng K**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 7/11 đường P, Phường B, Tp M, tỉnh T.

* *Bị đơn:*

- Ông **Trương Văn B**, sinh năm 1958.

- Bà **Lê Thanh N**, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: 101/4 đường D, Phường H, Tp. M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, N đơn là bà Đặng Thị H trình bày:

Ngày 15/01/2010 bà có cho vợ chồng ông Trương Văn B và bà Lê Thanh N vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mỗi ngày ông B, bà N phải trả cho bà 200.000 đồng (Bo gồm gốc và lãi), thời hạn vay là 02 năm. Để đảm bảo việc vay tiền ông B, bà N thế chấp nhà và đất tọa lạc tại 101/4 đường Đ, phường H, Tp M, tỉnh T cho bà (Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền

với đất số công chứng 09, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 01, tỉnh T chứng nhận ngày 15/01/2010). Sau khi ký hợp đồng thế chấp, ông B, bà N giao bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của nhà đất nêu trên cho bà giữ và bà đã giao đủ số tiền nêu trên cho ông B, bà N.

Ông B, bà N có trả cho bà 05 ngày rồi xin bà cho gia hạn lại 02 năm sau mới tiếp tục trả tiền cho bà bắt đầu từ ngày 25/12/2010.

Sau đó ông B, bà N còn vay tiền của bà nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 25/5/2010 bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 50.000.000 đồng.
- Ngày 17/7/2010 bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 100.000.000 đồng.
- Ngày 05/3/2011 bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 62.000.000 đồng.
- Ngày 01/6/2011 bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 69.550.000 đồng.
- Ngày 23/11/2011 (âm lịch) bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 20.000.000 đồng.
- Ngày 25/12/2011 (âm lịch) bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 50.000.000 đồng.
- Ngày 25/8/2012 bà có cho ông B, bà N vay số tiền là 22.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng ông B, bà N vay của bà là 473.000.000 đồng. Những lần vay này vợ chồng ông B, bà N đều có làm giấy vay tiền.

Ngày 15/02/2014 vợ chồng ông B, bà N có trả cho bà số tiền của thời hạn 16 tháng 05 ngày với số tiền là 100.000.000 đồng (trả cho giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2014 trong đó tiền vốn là 68.000.000 đồng, tiền lãi là 32.000.000 đồng), và đã trả cho bà tiền của thời gian từ ngày 01/3/2015 al đến ngày 25/10/2015 với số tiền là 52.800.000 đồng. Tổng số tiền mà ông B, bà N đã trả cho bà là 152.800.000 đồng.

Như vậy tính đến ngày 25/10/2015 đến nay, ông B, bà N còn nợ bà số tiền 366.750.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông B, bà N trả cho bà số tiền là 366.750.000 đồng, và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 25/10/2015 đến ngày Tòa án xét xử, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thanh N trình bày: Bà thống nhất với các khoản vay mà phía N đơn trình bày. Tuy nhiên đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15.01.2010 bà đã trả góp hằng ngày nên bà không còn nợ khoản vay này, việc trả tiền hai bên không có làm biên nhận.

* Ông Nguyễn Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà N trả cho bà số tiền mà ông B, bà N đã vay của bà nhưng không trả. Do đó, Tòa án xác định đây là

quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005

[2] Ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B. Bên cạnh đó ông B không đưa ra chứng cứ để chứng minh nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, Tòa xét thấy:

Đối với phần vốn gốc: Qua các chứng cứ do bà H cung cấp là các biên nhận nợ và lời thừa nhận của bà N trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa thì từ năm 2010 đến năm 2012 bà N và ông B có vay của bà H nhiều lần với tổng số tiền là 473.550.000 đồng. Bà N thừa nhận vay số tiền nêu trên tuy nhiên bà cho rằng bà đã trả được cho bà H được số tiền hơn 100.000.000 đồng, không nhớ con số chính xác và không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên bà H thừa nhận có nhận của bà N tổng số tiền 152.800.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 106.800.000 đồng và lãi suất là 46.000.000 đồng và đồng ý cấn trừ tiền vốn gốc vào số tiền vay. Như vậy tính đến thời điểm hiện tại bà N còn thiếu bà H số tiền 366.750.000 đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên bà H yêu cầu bà N trả cho bà số tiền trên là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Đối với phần lãi suất: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 25/10/2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức 9%/năm trên tổng số tiền 366.750.000 đồng, tuy nhiên chỉ lấy số tròn là 77.000.000 đồng. Xét thấy bà N không thanh toán tiền lãi suất cho bà H là vi phạm khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó việc bà H yêu cầu bà N thanh toán lãi suất và số tiền lãi suất 77.000.000 đồng là có lợi cho bà N, là phù hợp quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền mà bà N phải có trách nhiệm trả cho bà H là 366.750.000 đồng + 77.000.000 đồng = 443.750.000 đồng.

[4] Trong tổng số tiền 473.550.000 đồng mà bà N vay của bà H có 100.000.000 đồng ông B có ký tên vào biên nhận, còn lại ông B không có ký tên. Đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày sự việc vay tiền của bà H ông B đều biết, những lần sau do tin tưởng nhau nên không yêu cầu ông B ký tên. Xét thấy tại phiên tòa bà N trình bày bà và ông B là vợ chồng, ông bà sống chung tại căn nhà 101/4 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Tp. Mỹ Tho, toàn bộ số tiền mà bà vay của bà H là để phục vụ cho việc mua bán để chăm lo cho nhu cầu sinh hoạt chung của bà và ông B, đồng thời chữa bệnh cho ông B. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình ông B phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền cho bà H.

[5] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông B, bà N sau khi ông bà trả hết tiền cho bà H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của N đơn nên Tòa ghi nhận.

[6] Về án phí: Ông B và bà N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự; các điều 474, 476 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; các điều 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H

Buộc ông Trương Văn B và bà Lê Thanh N liên đới trả cho bà Đặng Thị H số tiền 443.750.000 đồng, trả một lần.

2. Kể từ ngày bà Đặng Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Văn B và bà Lê Thanh N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Ghi nhận bà Đặng Thị H tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Văn B và bà Lê Thanh N sau khi ông bà trả hết tiền cho bà H.

4. Về án phí:

Ông Trương Văn B và bà Lê Thanh N phải chịu 21.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H 10.535.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0011642 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Mỹ Tho.

5. Bà Đặng Thị H và bà Lê Thanh N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Trương Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND TPMT;
-Chi cục THADS TPMT
- Đương sự;
- Lưu.

Ngô Hoàng Huy